TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Vì lợi lạc tất thảy hư không và pháp giới chúng sinh (P.3)

ISSN: 2734-9195 15:15 19/11/2026

Đây là trạng thái bao trùm khắp mọi hiện tướng, bất biến và chính là không gian căn bản của các hiện tướng mà thuật ngữ gọi là Pháp giới hay tâm giác ngộ của thánh đức Quán Thế Âm.

Thiền quán và trì tụng Mật chú

Khi nhất tâm cầu nguyện như vậy

Ánh tịnh quang tỏa ra từ đức Quán Thế Âm

Tịnh hóa những hiện tướng mê lầm.

Thế giới thành miền Tịnh thổ.

Thân, khẩu, ý của chúng sinh

Thành thân, khẩu, ý đức Quán Âm.

Mọi sắc tướng, âm thanh và ý niệm

Đều hòa tan trong Tính Không.

Trong giai đoạn thực hành này, mọi hiện tướng phàm tình của các cõi luân hồi đều được ánh quang minh từ pháp tướng của đức Quán Thế Âm tịnh hóa; thân khẩu, ý phàm tình của chúng sinh trở thành tương ưng với thân, khẩu, ý giác ngộ của đức Quán Thế Âm.



Đáp lại lời cầu nguyện tha thiết của quý vị, tâm giác ngộ của đức Đại Bi tôn quý lan tỏa khắp muôn phương, khiến vô số tia sáng trắng, ẩn chứa năm sắc màu, tỏa ra từ pháp tướng của ngài, ở phía trên đỉnh đầu quý vị và tất cả chúng sinh. Trong năm sắc màu đó, màu trắng chiếm chủ đạo, biểu trưng bản thể vô nhiễm của đức Quán Thế Âm, hiện thân tối thượng của lòng đại bi và tình thương vô điều kiện.

Những tia sáng rực rỡ chiếu rọi vào thân quý vị cùng thân của tất thảy chúng sinh trong sáu cõi, tức thì tịnh hóa mọi ác nghiệp đã tích tụ trong dòng tâm thức của quý vị từ vô thủy đến nay. Quá trình này cũng giống như việc bóng tối bị xua tan ngay lập tức khi ta bật sáng một ngọn đèn.

Trong các ác nghiệp, có năm cực trọng nghiệp hay còn gọi là tội ngũ nghịch. Đây là những hành động ác vô cùng, có nhân quả chi phối mạnh mẽ nhất, dẫn tới quả tái sinh vào địa ngục Vô gián. Đó là các tội: giết cha, giết mẹ, giết một vị A la hán, ác ý làm thân Phật chảy máu, và phá hòa hợp Tăng đoàn.

Ngoài ra, còn có mười ác nghiệp khác gồm: ba ác nghiệp về thân: sát sinh, tức là những hành động lấy mạng sống của một chúng sinh; trộm cắp, nghĩa là lấy đi những gì không được cho phép; và tà dâm; bốn ác nghiệp về khẩu: nói dối là nói những điều không đúng sự thật, bao gồm bất kỳ trường hợp nào cố ý lừa dối nhằm gây hại cho các bậc thầy tâm linh hoặc những người khác.

Nói lời gây chia rẽ là những lời ác ý nhằm cố tình tạo ra sự bất hòa giữa những người đang có mối quan hệ hòa thuận. Nói lời thô ác, hay lời lẽ lăng mạ, là việc sử dụng thái độ thù hận hoặc ác tâm để gây tổn thương người khác.

Nói lời vô ích (phù phiếm) là những lời nói không có mục đích; dù không gây hại trực tiếp như ba loại lời nói kể trên, nhưng chúng vẫn được coi là ác nghiệp vì không mang lại lợi ích gì.

Cuối cùng là ba loại ác nghiệp về ý. Tham lam là lòng ham muốn những gì người khác đang sở hữu; đó là tâm muốn chiếm đoạt tài sản, sự thịnh vượng hoặc danh tiếng của người khác làm của riêng. Sân hận hay ý định gây hại, là mong muốn đầy thù hận rằng người khác sẽ phải chịu tổn hại, dù là thông qua lời nói, hành động thể chất hay suy nghĩ. Cuối cùng, tà kiến là những quan niệm sai lầm nghiêm trọng, chẳng hạn như phủ nhận khả năng hoặc lợi ích của việc giải thoát khỏi luân hồi hoặc phủ nhận sự thật rằng các hành động bất thiện là tiêu cực và cần phải tránh xa vì chúng dẫn đến khổ đau.

Những suy nghĩ và việc làm trên dù ở bất kỳ hình thức nào cũng đều là ác, bởi vì khi một nhân ác đã được gieo, nó sẽ chin muồi và biểu hiện thành khổ đau. Những nhân ác được gieo sẽ dẫn tới quả ác tương ứng phải nhận.

Các chướng ngại là một phương diện khác của tâm ác. Chúng bao gồm năm loại phiền não căn bản gây nhiễu loạn tâm thức: ham muốn khoái lạc giác quan hoặc của cải; sân giận người khác; vô minhvề bản chất của vạn vật; kiêu mạn khi tự cho mình vượt trội hơn người; và đố kỵ với những ai ở vị thế cao hơn mình. Những phiền não này, cũng như các việc làm bắt nguồn từ chúng, cần

phải được tận trừ.

Những điều ác và phiền não được xác định qua lăng kính của giới Biệt giải thoát, giới Bồ đề tâm hay giới Mật thừa. Tất cả những tâm ý và việc làm trên đều được xem là các chướng ngại, vì chúng ngăn cản việc tái sinh trong các cảnh giới an lành hơn, đồng thời ngăn cản sự tiến tu trên con đường giải thoát hoàn toàn khỏi vòng sinh tử.

"Sự sa đọa" hay "phá bể giới nguyện" là các việc làm ác trong phạm vi ba cấp độ giới nguyện: Biệt giải thoát, Bồ đề tâm giới hoặc Mật giới. Một người khi đã thụ nhận bất kỳ giới nguyện nào trong số này, thì đều phải nỗ lực hết mình để giữ gìn. Việc phá bể giới có thể xuất phát từ tâm thiếu tôn trọng đối với giới nguyện, không thấu hiểu mục đích của giới vì giới vốn đóng vai trò như một điểm tựa dẫn đường, giúp người thực hành luôn hướng về sự giải thoát và giác ngộ.

Đôi khi, một người dành sự tôn trọng các giới nguyện, nhưng họ lại không gìn giữ tinh nghiêm do tâm bị xao nhãng hoặc do sự lơ là, bất cẩn. Trong cả hai trường hợp trên, những việc làm đó đều có thể được coi là sự sa đọa. Chúng được gọi là "sa đọa" vì nếu không có biện pháp khắc phục, chúng sẽ khiến người đó đọa lạc. Nếu tỉnh thức về những lầm sai, sa đọa của bản thân và cam kết chỉnh sửa, người đó thoát khỏi những cảnh giới khổ đau, và vẫn có thể tiếp tục tiến bước trên con đường tới giải thoát và giác ngộ.

Tóm lại chúng ta có những phiền não, những chướng ngại và những việc làm ác cần phải được tịnh hóa. Trong bối cảnh thực hành phương pháp thiền quán này, quý vị hãy quán tưởng rằng tất cả những ác nghiệp, chướng ngại, lầm sai và sa đọa mà mình mắc phải đều được tịnh hóa ngay tức thời bởi các tia sáng tỏa ra từ thân của đức Quán Thế Âm, chiếu rọi vào quý vị và tất cả chúng sinh. Ánh sáng rực rỡ này cũng tịnh hóa mọi chướng ngại về nhận thức hay thuật ngữ gọi là Sở tri chướng. Chướng ngại về nhận thức bao gồm các tập khí của sự mê lầm đã tích tụ từ vô thủy; ở đây, "mê lầm" chính là "cái nhìn nhị nguyên". Đó là cái nhìn lầm sai cho rằng có một ranh giới giữa tự ngã và tha nhân, chủ thể và khách thể, giữa ta và người.

Tiếp tới, hãy quán tưởng rằng quý vị cùng tất thảy chúng sinh đều nhận được ân phúc từ đức Quán Thế Âm, khiến cho thân, khẩu, ý phàm phu của quý vị trở nên hoàn toàn bất khả phân với thân, khẩu, ý giác ngộ của Ngài. Nhờ vậy, thân tâm của quý vị trở nên vô cùng sống động trong Pháp tướng của ngài, tựa như một cầu vồng xuất hiện giữa không gian. Ánh sáng rực rỡ lan tỏa khắp không gian, lấp đầy tất cả các cõi trong sáu nẻo luân hồi, dẫn tới sự chuyển hóa sâu sắc và rộng khắp pháp giới.

Toàn bộ môi trường bên ngoài trở thành Tịnh độ quốc. Tại đây, ngay cả tên gọi của những vật chất thế gian như đất, đá, núi non cũng không còn tồn tại; thay vào đó, mọi cảnh vật đều mang bản chất của các loại châu báu, cùng những ánh tịnh quang và những khối cầu ngũ sắc lấp lánh.

Tất cả cư dân cõi Tịnh độ này, dù thuộc sáu loài khác nhau đều được giải thoát khỏi những khổ đau tương ứng của các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh,...; thân thể họ được chuyển hóa một cách sống động thành thân giác ngộ của bậc Thánh Đại Bi.

Mọi âm thanh thông thường do chúng sinh tạo ra, cũng như âm thanh từ các yếu tố vô tri trong thế giới, đều trở thành sự vang vọng tự nhiên của mật chú sáu âm. Mọi tư tưởng và hình ảnh hiện khởi trong tâm đều được gột rửa khỏi những vọng tưởng, hiển lộ thành tâm giác ngộ của đức Quán Thế Âm - một sự hợp nhất bất khả phân giữa tâm tỉnh giác và Tính không.

Lúc này quý vị cảm nhận mọi hiện tượng ở bản chất thanh tịnh và thuần khiết: tất cả đều là sự hiển lộ thân giác ngộ của Quán Thế Âm cùng cõi tịnh độ của Ngài; mọi âm thanh đều là âm thanh của mật chú; và mọi trạng thái tâm thức đều là tính giác trống rỗng, bản nguyên, hiển lộ dưới dạng tâm giác ngộ. Quý vị thấy thân, khẩu, ý của chính mình cũng như của tất cả chúng sinh khác, đều là những biểu hiện bất khả phân với thân, khẩu, ý giác ngộ của bậc Thánh Đại Bi.

Với sự cảm nhận đó, quý vị để tâm mình an trú trong trạng thái định tĩnh, hòa nhập vào thực tại bao trùm pháp giới, vượt lên trên mọi khái niệm, không còn những phản ứng hay bất kỳ vọng tưởng nào. Tiếp theo quý vị trì tụng chân ngôn sáu âm.

Đáp ứng lời cầu nguyện tha thiết của quý vị lên đức Quán Thế Âm, những tia sáng rực rỡ với năm sắc cầu vồng tỏa ra từ thân Ngài. Như đã luận giải phần trên, các tia sáng này tịnh hóa thân tâm quý vị cùng tất cả chúng sinh, gột rửa tâm bất tịnh và thức nhiễm ô. Những tia sáng ấy làm toàn bộ thế giới bên ngoài hiển lộ thành Cõi Tịnh Độ An Lạc; đồng thời, thân, khẩu, ý của tất thảy chúng sinh cư ngụ trong cõi ấy trở nên bất khả phân với thân, khẩu, ý giác ngộ của đức Quán Thế Âm. Điều này có nghĩa là quý vị nhìn mọi hiện tượng đều là sự hiển lộ thiêng liêng, mọi âm thanh đều là sự vang vọng của chân ngôn, và mọi tư tưởng hay sự kiện khởi lên trong tâm đều là biểu hiện của tính giác trống không. Cả ba khía cạnh hiển lộ này: hình tướng, âm thanh và tư tưởng, đều không tách rời khỏi bản chất Tính không.

Sau khi thực hiện các bước trên và hình dung rõ nét các chi tiết trong pháp quán tưởng đã mô tả, bạn chuyển sang phần trì tụng chân ngôn sáu âm: Om

Mani Padme Hung.

Trì tụng chân ngôn

Việc trì tụng chân ngôn chính là phần trọng tâm của nghi thức này. Bản thân chân ngôn này rất đơn giản, chỉ gồm sáu âm tiết: Om Ma Ni Pad Me Hung. Vì ngắn gọn nên rất dễ ghi nhớ. Một khi đã thuộc lòng, quý vị có thể trì tụng vào bất cứ lúc nào; đây là một chân ngôn vô cùng thuận tiện trong tu tập thường nhật. Hơn nữa, nhờ chứa đựng ý nghĩa sâu xa cùng những phẩm tính lợi lạc to lớn, chân ngôn sáu âm được xem là vua của các mật chú.



Ý nghĩa sâu xa của mật chú sáu âm gắn liền với ngôi vị của đức Quán Thế Âm - bậc hiện thân trọn vẹn trí tuệ của tất thảy chư Phật. Bản thân mật chú sáu âm này chính là tinh túy vốn có nơi tâm từ bi của đức Quán Thế Âm, cũng như mọi công hạnh giác ngộ của Ngài. Theo cách diễn đạt khác, thần chú sáu âm này là tinh túy những phẩm tính tôn quý của đức Quán Thế Âm, cùng năng lực dẫn dắt chúng sinh vượt thoát khổ đau và đạt tới quả vị Phật.

Âm đầu tiên trong sáu âm là *OM*. Âm tiết này màu trắng hiển lộ từ năng lượng nội tại của năm phương diện trí tuệ nơi bậc Thánh. Trong sáu Ba la mật, âm tiết này mang bản chất của Thiền định Ba la mật. Trì tụng âm tiết này giúp tịnh hóa tâm kiêu mạn - một nhân gây ra khổ đau; đồng thời, cũng tịnh hóa những khổ đau phát sinh từ chính tâm phiền não ấy, bao gồm cả những nỗi khổ chung của

luân hồi và những nỗi khổ riêng mà chư thiên phải trải qua, ví như nỗi khổ khi đánh mất địa vị cao quý cùng sự đọa lạc.

Âm tiết này gắn kết mật thiết với thân giác ngộ và các thiện hạnh của Đế Thích Thiên (Indraśakra) - vị vua cai quản cõi trời Đao Lợi. Trì tụng âm tiết này hiển lộ ánh tịnh quang của Bình đẳng tính trí, dẫn dắt chúng sinh nơi sáu cõi đến Vinh Diệu Tịnh độ (cõi tịnh độ phương Nam mang tên Śrīmat), đồng thời trợ giúp thành tựu thân giác ngộ của đức Phật Bảo Sinh (Ratnasambhava).

Âm tiết *MA* có màu xanh lục. Âm tiết này hiển lộ từ năng lượng của tình yêu thương và lòng bi mẫn vô điều kiện, không ngừng nghỉ mà bậc Đại Bi dành cho tất cả chúng sinh. Âm tiết này mang bản chất của hạnh nhẫn nhục, đồng thời tịnh hóa tâm sân hận và đố kỵ - những nhân gây ra khổ đau; tịnh hóa những khổ đau khởi sinh từ tâm đố kỵ, cũng như những xung đột, tranh đấu đặc trưng của cõi A tu la.

Trì tụng âm tiết này giúp hiển lộ thân giác ngộ và các thiện hạnh của Tỳ ma chất đa la (Vemacitra), bậc thống lãnh cõi A tu la. Trong năm loại trí tuệ, âm tiết *MA* là sự hiển lộ ánh tịnh quang của Thành sở tác trí, trợ giúp chúng sinh trong sáu cõi đến cõi tịnh độ Viên Hạnh (tịnh độ phương Bắc - Karmaprasiddhi), đồng thời giúp thành tựu thân giác ngộ của đức Phật Bất Không Thành Tựu (Amoghasiddhi).

Âm tiết *NI* có màu vàng. Âm tiết này khởi sinh từ năng lượng tâm bi mẫn vô cùng tận của bậc Thánh - một tâm bi mẫn tự nhiên, không cần nỗ lực hay tạo tác, và bao trùm khắp tất thảy chúng sinh một cách bình đẳng, không phân biệt. Lòng bi mẫn tựa như kim cương, bất biến, vượt thời gian, bao hàm trọn vẹn thân, khẩu, ý và các công hạnh giác ngộ.

Đây là âm tiết có khả năng chuyển hóa vòng luân hồi trở về cảnh giới niết bàn. Trong sáu Ba la mật, âm tiết mang bản chất của hạnh trì giới, giúp tịnh hóa những cấu uế phát sinh từ tâm vô minh - căn nguyên của khổ đau; đồng thời, tịnh hóa những khổ đau hệ quả từ sự vô minh ấy, đặc biệt là bốn dòng thác khổ đau đặc trưng cho kiếp người: sinh, lão, bệnh, tử. Âm tiết *NI* gắn liền với thân giác ngộ và các thiện hạnh của đức Thích Ca Mâu Ni - đức Phật thị hiện nơi cõi nhân gian. Âm tiết này biểu trưng cho ánh tịnh quang vốn là bản chất của trí tuệ vượt thời gian, tự hữu từ vô thủy, giúp dẫn dắt chúng sinh trong sáu cõi đi đến Cõi Sắc Cứu kinh thiên, cảnh giới Tối thượng là bản thể của vạn pháp, đồng thời giúp chúng sinh thành thân giác ngộ của đức Phật thứ sáu: Đức Phật Kim Cương Tổng Trì (Vajradhara).

Âm tiết *PAD* có màu xanh dương. Âm tiết này biểu hiện năng lực nội tại của tâm từ bi bình đẳng vô biên nơi đức Đại Bi tôn quý; biểu trưng cho thân giác ngộ. Trong sáu hạnh Ba-la-mật, âm tiết *PAD* mang bản chất của Trí tuệ, giúp tịnh hóa phiền não căn bản là vô minh; đồng thời tịnh hóa những khổ đau phát sinh từ vô minh, đặc biệt là vô số nỗi khổ mà các loài động vật phải gánh chịu như: tâm đần độn, ngu muội, cũng như cảnh bị con người nô dịch.

Âm tiết *PAD* gắn liền với thân giác ngộ và các thiện hạnh của Kiên Cố Sư Tử (Sthirasiṃha) - vị Phật thị hiện nơi cõi của các loài động vật. Trong năm loại trí tuệ, âm tiết này biểu trưng ánh Tịnh quang của Pháp giới thể tính trí, giúp dẫn dắt chúng sinh trong sáu cõi đến với cõi Mật Nghiêm tịnh độ (cõi tịnh độ trung tâm Ghanavyūha) và trợ giúp thành tựu thân giác ngộ của đức Phật Tỳ Lô Giá Na (Vairocana).

Âm tiết *ME* có màu đỏ, thể hiện nguồn năng lượng của tâm hỷ lạc vô bờ và từ bi vô lượng nơi Thánh giả, lan tỏa bình đẳng đến tất thảy chúng sinh; đây là âm tiết biểu trưng cho khẩu giác ngộ. Trong sáu hạnh Ba la mật, âm tiết này mang bản chất của hạnh bố thí, giúp tịnh hóa lòng tham cũng như sự keo kiệt - vốn bắt nguồn từ lòng tham - đều là những nhân gây ra khổ đau. Tương tự, trì tụng âm tiết này giúp tịnh hóa những khổ đau nói chung phát sinh từ các phiền não này; đồng thời, cũng giải trừ những nỗi khổ đau cụ thể như cái đói và khát mà cõi ngạ quỷ phải gánh chịu.

Âm tiết *ME* gắn liền thân giác ngộ và các thiện hạnh của Diện Nhiên Quỷ Vương (Jvālāmukha). Ở phương diện Ngũ Trí, âm tiết này biểu hiện hình thức của ánh tịnh quang từ Diệu Quan sát Trí, giúp dẫn dắt chúng sinh nơi sáu cõi tái sinh cõi Cực lạc phương Tây, đồng thời trợ giúp thành tựu thân giác ngộ của đức Phật A Di Đà.

Âm tiết *HUNG* có màu đen. Âm tiết này hiển lộ thông qua năng lượng từ bi vô lượng vốn sẵn nơi đức Quán Thế Âm tôn quý - một nguồn năng lượng lan tỏa tới tất thảy chúng sinh giống như người mẹ chăm sóc cho đứa con duy nhất của mình. *HUNG* biểu trưng cho tâm giác ngộ.Trong sáu Ba la mật, âm tiết này mang bản chất của Trí tuệ giúp nhìn thấu suốt bản chất tối hậu của vạn pháp. Trì tụng âm tiết này giúp tịnh hóa tâm chấp niệm nhị nguyên phân biệt ta - người, đồng thời tịnh hóa tâm sân hận nảy sinh từ tâm thức lầm sai đó. Ngoài ra trì tụng âm tiết này cũng tịnh hóa những khổ đau nói chung là quả của các trạng thái tâm lầm sai này, đối trị những nỗi thống khổ do nóng bức hoặc lạnh lẽo tột cùng mà chúng sinh phải trải qua trong các cõi địa ngục.

Âm tiết *HUNG* không tách rời khỏi thân giác ngộ và các thiện hạnh của Diêm La Vương - vị Bồ tát cứu độ các chúng sinh nơi các cõi địa ngục. Trì tụng âm tiết

này giúp hiển lộ ánh tịnh quang của Đại viên cảnh trí, giúp dẫn dắt chúng sinh từ sáu cõi tái sinh Diệu Hỷ Tịnh độ (cõi tịnh độ phương Đôn Abhirati), đồng thời giúp thành tựu thân giác ngộ của đức Phật A Súc Bệ.

Như vậy, chân ngôn sáu âm chứa đựng trọn vẹn năng lực từ các thiện hạnh vô biên của đức Quán Thế Âm - đó là những việc làm thâm nhập vào những tận cùng của luân hồi sáu cõi để giải cứu chúng sinh khỏi những nỗi khổ đau khổ tột cùng. Chân ngôn sáu âm này được xem là vua trong các mật chú, bởi vậy quý nên trì tụng càng nhiều càng tốt và hãy coi đó là phần trọng tâm trong thời khóa tu tập.

Tại vùng Himalaya, nhiều các thành tựu giả đã làm những việc lợi ích chúng sinh, phần lớn đều dựa trên thần chú sáu âm này. Nhiều thành tựu giả đã trì tụng chân ngôn sáu âm với số lượng tích lũy vô cùng lớn: ba trăm triệu biến, năm trăm triệu, bảy trăm triệu biến hoặc hơn thế nữa. Kết quả là, vô số phẩm tính đặc biệt và các dấu hiệu phi thường đã xuất hiện trong cuộc đời của những hành giả này, và đã được ghi chép lại. Chính vì những lý do đó, chân ngôn sáu âm đã trở thành phương thức tu tập phổ biến nhất trên khắp Himalaya.

Tuy nhiên, tầm quan trọng của chân ngôn này không chỉ giới hạn ở vùng Himalaya. Trong thời kỳ suy đồi, đầy xung đột và biến động này, khi chúng sinh trên khắp thế giới phải chịu đựng những phiền não vô cùng, nếu chọn chân ngôn sáu âm làm pháp tu chính, hành giả sẽ có được năng lực to lớn để hóa giải các nghịch cảnh. Đây là một phương pháp đặc biệt, chứa đựng tất cả những phẩm tính phi thường cùng ý nghĩa sâu xa đã được mô tả ở trên.

Thiền quán Hòa tan

Quay trở lại với tiến trình tu trì pháp quán tưởng và trì tụng chân ngôn, khi quý vị đã trì tụng đủ số biến, quý vị kết thúc giai đoạn thứ nhất và bước vào giai đoạn thiền quán Hòa tan.

Cho đến trước thời điểm này, quý vị hãy duy trì hình ảnh thiền quán rõ nét về thân tướng của đức Quán Thế Âm đang hiện diện ngay phía trên đỉnh đầu; đồng thời, ánh tịnh quang tỏa ra từ thân Ngài hiển lộ tất cả môi trường xung quanh trở thành cõi tịnh độ của ngài.

Tuy nhiên tới giai đoạn thiền quán Hòa tan, quý vị thiền quán toàn bộ môi trường bên ngoài tan thành ánh sáng và hòa nhập trở lại đức Quán Thế Âm và thân tướng đó cũng hòa tan thành ánh Tịnh quang và hòa nhập vào thân tâm quý vị. Thân tâm quý vị cũng tan thành ánh Tịnh quang và quý vị hãy để thân tâm mình an trú trong trạng thái sáng rõ và Huyễn ảnh đó. Lúc này quý vị

không còn khởi niệm bất kỳ điều gì về quá khứ, hiện tại hay tương lai. Mọi tham chiếu ba chiều của thời gian ngừng bặt. Mọi ý thức phân biệt giữa bản thân và đối tượng cũng không còn, không còn thiền quán hình tướng của đức Quán Thế Âm, cũng không còn trì tụng thần chú. Quý vị đơn giản buông bỏ mọi mọi ý niệm về tồn tại hay không tồn tại, cao quý hay không, thiện hay ác, hiện hữu hay huyễn ảo v.v...

Mọi hiện tướng, âm thanh và ý niệm đều hòa tan vào Tính Không rộng lớn vô cùng. Đây là trạng thái bao trùm khắp mọi hiện tướng, bất biến và chính là không gian căn bản của các hiện tướng mà thuật ngữ gọi là Pháp giới hay tâm giác ngộ của thánh đức Quán Thế Âm. Trên thực tế, không có bất kỳ ý niệm hay thuật ngữ nào có thể mô tả chính xác trạng thái này. Quý vị hãy để tâm mình an trú trong trạng thái này càng lâu càng tốt.

Việt dịch: **Anh Vũ** và **La Sơn Phúc Cường**

***

Nguồn: Khenpo Karthar Rinpoche, *Chenrezik for the benefits of all Beings*, KTD Pub., USA.